

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	5 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	9 - 10
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Kiên Long được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 27 tháng 9 năm 2018.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : +84 (029) 7386 9950
- Fax : +84 (029) 7387 1171

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: Huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2021
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2021
	phụ trách hoạt động HĐQT	
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2021
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2021
	Phó Chủ tịch	
	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Trần Duy Huyền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2021
		Miễn nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2021
Ông Lê Hồng Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2021
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2021
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2021
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2021
	Thành viên	
Bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương	Thành viên	
Bà Trần Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Lê Trung Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2021
Ông Trần Văn Trọng	Thành viên độc lập	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Cao Cường	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Minh	Thành viên
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Đức Cẩn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2021
Ông Lê Trung Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Mỹ Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Quốc Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2021
Ông Trần Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Tuấn Anh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

KIẾN LONG

TRÁCH GIÁ - T. KIẾN GIANG

Trần Tuấn Anh

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2021



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.1359/21/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2021, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKKH kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2021

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: triệu VND

A - TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.1	971.043	755.932
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.2	1.777.707	3.500.995
III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD		13.272.174	11.911.947
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	V.3	13.272.174	11.911.947
2. Cho vay các TCTD khác		-	-
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
VI. Cho vay khách hàng		35.320.864	34.423.044
1. Cho vay khách hàng	V.4	35.668.425	34.716.197
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.5	(347.561)	(293.153)
VII. Hoạt động mua nợ		-	-
1. Mua nợ		-	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.6	6.106.555	3.381.781
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	V.6	820.000	-
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	V.6	5.286.555	3.381.781
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		-	-
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn		9.271	14.521
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	V.7	9.271	14.521
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
X. Tài sản cố định		1.456.183	1.477.785
1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	717.909	741.936
a. Nguyên giá tài sản cố định		1.076.466	1.071.740
b. Hao mòn tài sản cố định		(358.557)	(329.804)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.9	738.274	735.849
a. Nguyên giá tài sản cố định		817.862	811.031
b. Hao mòn tài sản cố định		(79.588)	(75.182)
XI. Bất động sản đầu tư		-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản có khác		1.414.248	1.815.982
1. Các khoản phải thu	V.10	384.543	348.049
2. Các khoản lãi, phí phải thu	V.11	635.936	1.066.409
3. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
4. Tài sản có khác	V.12	397.894	405.649
Trong đó: lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho		(4.125)	(4.125)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		60.328.045	57.281.987

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.13	7.122.941	9.153.602
1. Tiền gửi của các TCTD khác	V.13	7.062.674	9.075.755
2. Vay các TCTD khác	V.13	60.267	77.847
III. Tiền gửi của khách hàng	V.14	46.432.083	42.017.697
IV. Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		-	-
VI. Phát hành giấy tờ có giá		600.000	900.000
VII. Các khoản nợ khác		1.656.994	1.292.516
1. Các khoản lãi, phí phải trả	V.15	1.119.326	1.018.453
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.16	537.668	274.063
4. Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
Tổng nợ phải trả		55.812.018	53.363.815
VIII. Vốn và các quỹ	V.17	4.516.027	3.918.172
1. Vốn của TCTD		3.202.758	3.202.758
a. Vốn điều lệ	V.17	3.236.958	3.236.958
b. Vốn đầu tư XDCB		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d. Cổ phiếu quỹ	V.17	(34.200)	(34.200)
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
f. Vốn khác		-	-
2. Quỹ của TCTD	V.17, 18	290.521	271.573
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	V.17	1.022.748	443.841
6. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		60.328.045	57.281.987

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái		-	-
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		-	-
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		-	-
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		-	-
<i>Cam kết giao dịch tương lai</i>		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	10.301	50.362
5. Bảo lãnh khác	VIII.4	328.437	186.245
6. Các cam kết khác		-	-

Rạch Giá, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Người lập



Võ Huỳnh Phương Trinh
Kế toán viên

Người kiểm soát



Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Người phê duyệt




Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	3.256.506	1.984.960
2.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	2.029.645	1.434.856
	I. Thu nhập lãi thuần		1.226.861	550.104
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.3	138.963	41.945
4.	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	VI.3	7.129	6.302
	II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.3	131.834	35.643
	III. Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	VI.4	10.613	18.854
	IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
	V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.5	45.996	37.980
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	VI.6	44.986	66.523
6.	Chi phí từ hoạt động khác	VI.6	12.195	3.559
	VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.6	32.791	62.964
	VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.7	1.709	891
	VIII. Chi phí hoạt động	VI.8	581.710	524.720
	IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		868.094	181.716
	X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	V.4, 5	62.392	79.000
	XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		805.702	102.716
7.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.2	198.819	20.557
8.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
	XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		198.819	20.557
	XIII. Lợi nhuận sau thuế		606.883	82.159
	XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
	XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	VI.9a, b	1.897	238

Rạch Giá, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Võ Huỳnh Phương Trinh
Kế toán viênPhạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởngTrần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		3.686.979	1.948.585
02.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.928.772)	(1.284.639)
03.	Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được		131.834	35.643
04.	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		56.609	56.834
05.	Thu nhập khác		(9.978)	2.533
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	VI.6	32.289	12.350
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(512.043)	(457.355)
08.	Tiền thuế thực nộp trong kỳ	VIII.2	(7.926)	(10.408)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động			1.448.992	303.543
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
09.	(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10.	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(2.724.774)	(1.820.017)
11.	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	(6.923)
12.	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(952.229)	(666.793)
13.	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	V.5	(7.984)	(425)
14.	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(29.227)	96.658
Những thay đổi về công nợ hoạt động				
15.	Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	-
16.	Tăng/(Giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD		(2.030.662)	621.837
17.	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		4.414.387	3.428.827
18.	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính)		(300.000)	-
19.	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro		-	-
20.	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21.	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		27.642	(11.808)
22.	Chi từ các quỹ của TCTD		-	-
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			(153.855)	1.944.899



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
01.	Mua sắm tài sản cố định		(11.533)	(211.145)
02.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		10.479	48.081
03.	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	-
04.	Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05.	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06.	Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
08.	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		5.250	-
09.	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	VI.7	1.709	891
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư			5.905	(162.173)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
01.	Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02.	Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
03.	Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
04.	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05.	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06.	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			(147.950)	1.782.726
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm			16.168.874	13.570.510
VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá			-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ			16.020.924	15.353.236

Rạch Giá, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt




Võ Huỳnh Phương Trinh
Kế toán viênPhạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởngTrần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng TMCP Kiên Long, tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 9 năm 1995.
- Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Năm 2006, Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long và được chuyển đổi mô hình hoạt động từ ngân hàng nông thôn sang ngân hàng đô thị.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 27 tháng 9 năm 2018.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng TMCP Kiên Long là ngân hàng thương mại cổ phần.

3. Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2021 là 3.236.958 triệu VND (tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 3.236.958 triệu VND).

4. Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Ngân hàng có một (01) hội sở chính, ba mươi mốt (31) chi nhánh và một trăm lẻ ba (103) phòng giao dịch trên toàn quốc.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Ngân hàng và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Ngân hàng.

Ngân hàng đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long có trụ sở tại Tầng 6, Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Công ty con này được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất; quản lý các khoản nợ vay và tài sản bảo đảm nợ vay; thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản vay; mua khoản nợ từ và bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Ngân hàng tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tình hình hoạt động của Tập đoàn có ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong Quý 1 năm 2021, Ngân hàng đã phối hợp với khách hàng xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm liên quan đến dư nợ các khoản cho vay đối với một nhóm khách hàng với tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác và đã hoàn thành việc thu hồi nợ gốc và lãi dự thu này theo Quyết định số 2595/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 12 năm 2019 và các công văn khác có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kết quả liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm này đã đem lại cho Tập đoàn một khoản thu lớn và làm cho lợi nhuận kỳ này tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 3.293 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.254 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam (triệu VND) khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017. Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng theo Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán có liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp trực tiếp.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Ngân hàng và công ty con trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chỉ phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông thiểu số, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con.

2. Chuyển đổi ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Tập đoàn được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó (“tỷ giá giao ngay”) tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Tập đoàn dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Tập đoàn được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối kỳ kế toán.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi tại các TCTD khác, cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

4. Cho vay khách hàng và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Tiền vay được ghi nhận khi Tập đoàn và khách hàng ký kết hợp đồng vay, khế ước nhận nợ và Tập đoàn giải ngân cho khách hàng.

Phương thức cho vay đối với tổ chức và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư, chiết khấu chứng từ có giá,....

Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là cầm cố, thế chấp tài sản. Ngoài ra, Tập đoàn còn cho vay tín chấp.

Nguyên tắc phân loại nợ vay và đánh giá rủi ro tín dụng được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 (Thông tư số 02/2013/TT-NHNN) và Điều 01 Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 (Thông tư số 09/2014/TT-NHNN) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành về việc cơ cấu lại thời hạn nợ, cho vay mới; hồ sơ, trình tự thủ tục khoan nợ, xóa nợ; tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm của khoản cho vay nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (Thông tư số 10/2015/TT-NHNN) và Thông tư số 25/2018/TT-NHNN ngày 24 tháng 10 năm 2018 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 10 (Thông tư số 25/2018/TT-NHNN), Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 và Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid - 19.

Cơ sở trích lập dự phòng rủi ro tín dụng căn cứ vào các khoản nợ vay đã được phân loại. Việc tính toán dự phòng căn cứ vào quy định tại Điều 12 Thông tư số 02/2013/TT-NHNN. Tỷ lệ trích lập cụ thể như sau:

• Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	:	0%
• Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	:	5%
• Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	:	20%
• Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	:	50%
• Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	:	100%

Mức dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn tại ngày làm việc cuối cùng của quý trước hoặc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11 đối với quý cuối cùng của kỳ kế toán năm.

Việc xóa sổ các khoản nợ vay không có khả năng thu hồi căn cứ vào các quy định của 2 thông tư nêu trên.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các cam kết ngoại bảng

Các cam kết ngoại bảng bao gồm: các khoản bảo lãnh, cam kết giao dịch hối đoái và cam kết trong nghiệp vụ L/C.

Khi Tập đoàn đánh giá khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết thì phân loại các cam kết vào nhóm 2.

Trường hợp Tập đoàn thực hiện các nghĩa vụ thay cho người được bảo lãnh, thì Tập đoàn phân loại vào nhóm 3 đến nhóm 5 và trích lập dự phòng cụ thể theo quy định.

5. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Tập đoàn phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Tập đoàn được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận chứng khoán đầu tư

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư tại ngày khớp lệnh đối với chứng khoán niêm yết hoặc tại ngày Tập đoàn chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch và chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng chứng khoán đầu tư cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng đối với chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn trừ khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Tập đoàn khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Tập đoàn mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận tại ngày khớp lệnh bán đối với chứng khoán niêm yết hoặc Tập đoàn đã chính thức chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Trái phiếu đặc biệt do Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng.

Ngân hàng hạch toán kế toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT ngày 19 tháng 2 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ dự phòng rủi ro.

Đối với mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Ngân hàng nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dự nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Tập đoàn ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Tập đoàn ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN. Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa 20% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt có kỳ hạn 5 năm và 10% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt có kỳ hạn 10 năm trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan trong kỳ. Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Ngân hàng trích lập một lần số dự phòng cụ thể nói trên cho mỗi trái phiếu và không phải thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các trái phiếu đặc biệt này. Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

6. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và Tập đoàn không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau đó, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tập đoàn tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận chuyển	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	05 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (36 - 49 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 08 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Các tài sản có khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và nâng cấp phần mềm máy vi tính chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và nâng cấp.

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu chờ xử lý là những tài sản gắn nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Tập đoàn.

Các tài sản Có khác

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các tài sản có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Đối với các tài sản Có quá hạn thanh toán, Tập đoàn áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoạt động.

11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả gồm tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và các khoản nợ khác được thể hiện theo giá gốc.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

13. Công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Lãi hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh được thực hiện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện không được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ mà được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

14. Vốn chủ sở hữu và các quỹ

Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Ngân hàng phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Các quỹ dự trữ

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 07 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các TCTD, Tập đoàn phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	<u>Trích lập hàng năm</u>	<u>Số dư tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi pháp luật và được phép phân phối hết.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Tập đoàn. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận trong phần nợ phải trả của Tập đoàn.

15. Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Tại từng thời điểm, Tập đoàn có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Tập đoàn cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

16. Thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi Tập đoàn thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong kỳ không được hạch toán là thu nhập và Ngân hàng thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Tập đoàn thực sự thu được.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu... là số lãi phải thu trong kỳ.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh và các dịch vụ khác. Thu nhập phí từ các khoản bảo lãnh được ghi nhận theo phương pháp dồn tích.

18. Thu nhập cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính giữa niên độ và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm: tiền gửi và vay từ Tập đoàn Nhà nước và các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp và các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con. Các bên liên kết và các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	858.731	640.434
Tiền mặt bằng ngoại tệ	112.312	115.498
Cộng	971.043	755.932

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi bằng VND	1.745.260	3.465.268
Tiền gửi bằng ngoại tệ	32.447	35.727
Cộng	1.777.707	3.500.995

Phản ánh các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Trong đó, tiền gửi dự trữ bắt buộc được xác định tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với tỷ lệ dự trữ là:

- Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng: 3% đối với VND, 8% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: 1% đối với VND, 6% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi ở nước ngoài: 1% đối với ngoại tệ.

3. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	2.304.156	3.850.698
<i>Bằng VND</i>	52.777	2.428.711
<i>Bằng ngoại tệ</i>	2.251.379	1.421.987
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	10.968.018	8.061.249
<i>Bằng VND</i>	8.603.343	5.948.515
<i>Bằng ngoại tệ</i>	2.364.675	2.112.734
Cộng	13.272.174	11.911.947

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Cho vay khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	35.658.998	34.699.595
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	9.177	16.352
Các khoản trả thay khách hàng	250	250
Cộng	35.668.425	34.716.197

Phân tích chất lượng nợ vay

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ đủ tiêu chuẩn	34.951.755	32.694.510
Nợ cần chú ý	206.533	138.883
Nợ dưới tiêu chuẩn	43.734	51.165
Nợ nghi ngờ	30.779	49.953
Nợ có khả năng mất vốn	435.624	1.781.686
Cộng	35.668.425	34.716.197

Phân tích dư nợ theo thời gian

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ ngắn hạn	21.058.038	20.921.172
Nợ trung hạn	6.235.010	5.172.107
Nợ dài hạn	8.375.377	8.622.918
Cộng	35.668.425	34.716.197

Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hộ kinh doanh và cá nhân	25.198.905	26.135.172
Công ty trách nhiệm hữu hạn	6.190.535	4.637.689
Công ty cổ phần	4.255.931	3.914.060
Doanh nghiệp tư nhân	23.054	29.276
Cộng	35.668.425	34.716.197

Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9.534.522	9.649.677
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	7.569.310	7.514.497
Hoạt động dịch vụ khác	11.448.032	8.642.776
Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng)	3.102.406	3.338.633
Hoạt động đầu tư	497.400	1.967.544
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	1.716.216	1.894.865
Xây dựng	770.876	301.010
Vận tải kho bãi	675.664	697.953
Công nghiệp chế biến, chế tạo	72.473	392.893
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	262.069	299.712
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2.965	1.310
Thông tin và truyền thông	429	837
Giáo dục và đào tạo	10.950	11.152
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	3.755	1.780
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	774	974

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khai khoáng	500	500
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	84	84
Cộng	35.668.425	34.716.197

5. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng
Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro tín dụng

	<u>Dự phòng chung</u>	<u>Dự phòng cụ thể</u>
Kỳ này		
Số đầu năm nay	(234.686)	(58.467)
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	(29.841)	(32.551)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	7.984
Số dư cuối kỳ này	(264.527)	(83.034)
Kỳ trước		
Số đầu năm trước	(242.044)	(53.944)
Dự phòng rủi ro (trích lập)/hoàn nhập trong kỳ trước	4.411	(83.411)
Sử dụng dự phòng trong kỳ trước	-	425
Số cuối kỳ trước	(237.633)	(136.930)

Chi tiết số dư dự phòng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng:		
Dự phòng chung	(264.527)	(234.686)
Dự phòng cụ thể	(83.034)	(58.467)
Cộng	(347.561)	(293.153)

6. Chứng khoán đầu tư

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i>		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
- Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	300.000	-
- Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	520.000	-
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	820.000	-
<i>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)</i>		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
Trái phiếu Chính phủ ⁽ⁱ⁾	5.186.555	3.281.781
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	100.000	100.000
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.286.555	3.381.781
Cộng chứng khoán đầu tư	6.106.555	3.381.781

- (i) Trong trái phiếu Chính phủ có các loại trái phiếu với tổng mệnh giá 12.000 triệu VND (số đầu năm là 12.000 triệu VND) được Tập đoàn cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia nghiệp vụ thị trường mở (xem thuyết minh số IX.5).

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát ⁽ⁱ⁾	-	5.250
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá ⁽ⁱⁱ⁾	9.271	9.271
Cộng	9.271	14.521

(i) Ngày 14 tháng 4 năm 2021 Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát.

(ii) Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700547079 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2007 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 16 tháng 02 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn đã góp 6,96% vốn điều lệ. Ngày 15 tháng 7 năm 2021 Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	728.975	73.060	123.353	122.150	24.202	1.071.740
Mua trong kỳ	84	137	-	210	32	463
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	3.919	-	-	3.919
Thanh lý, nhượng bán	(54)	(64)	(345)	-	-	(463)
Phân loại lại	728	79	-	-	-	807
Số cuối kỳ	729.733	73.212	126.927	122.360	24.234	1.076.466
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.715	8.940	24.663	22.897	7.375	68.590
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	132.961	30.996	76.095	76.309	13.443	329.804
Khấu hao trong kỳ	14.342	3.035	5.052	5.984	632	29.045
Thanh lý, nhượng bán	(54)	(64)	(345)	-	-	(463)
Phân loại lại	171	-	-	-	-	171
Số cuối kỳ	147.420	33.967	80.802	82.293	14.075	358.557
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	596.014	42.064	47.258	45.841	10.759	741.936
Số cuối kỳ	582.313	39.245	46.125	40.067	10.159	717.909
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	710.761	90.611	9.659	811.031
Mua trong kỳ	-	7.639	-	7.639
Phân loại lại	(808)	-	-	(808)
Số cuối kỳ	709.953	98.250	9.659	817.862
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	43.038	5.474	48.512
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	7.011	61.448	6.723	75.182
Khấu hao trong kỳ	914	3.292	371	4.577
Phân loại lại	(171)	-	-	(171)
Số cuối kỳ	7.754	64.740	7.094	79.588
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	703.750	29.163	2.936	735.849
Số cuối kỳ	702.199	33.510	2.565	738.274
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Các khoản phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ⁽ⁱ⁾	8.534	10.951
Khoản phải thu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	3.822	3.822
Ký quỹ thuê văn phòng và tạm ứng hợp đồng	17.556	15.718
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	59.607	50.826
Khoản phải thu từ nghiệp vụ thẻ tín dụng và Banknetvn	148.791	99.329
Ký quỹ tại các tổ chức thanh toán quốc tế	8.822	8.826
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	813	-
Phải thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	15.165	10.954
Phải thu từ bán tài sản cố định dở dang	66.381	66.381
Khoản phải thu từ bán tài sản đảm bảo của khách hàng vay	5.585	45.431
Phải thu khác	49.467	35.811
Cộng	384.543	348.049

⁽ⁱ⁾ Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cửa	4.268	4.126
Phần mềm máy vi tính	4.266	6.825
Cộng	8.534	10.951

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Các khoản lãi, phí phải thu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi phải thu từ tiền gửi	5.201	3.666
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	79.327	55.845
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	551.408	1.006.898
Cộng	635.936	1.066.409

12. Tài sản có khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chờ phân bổ	363.904	337.241
Công cụ và dụng cụ	4.237	5.236
Chi hộ các tổ chức tín dụng khác	2.515	1.052
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng đang chờ xử lý	16.258	29.130
Tài sản có khác	10.980	32.990
Cộng	397.894	405.649

13. Tiền gửi và vay các TCTD khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>7.062.674</i>	<i>9.075.755</i>
Tiền gửi không kỳ hạn	35.989	2.444.820
<i>Bằng VND</i>	35.989	2.444.820
Tiền gửi có kỳ hạn	7.026.685	6.630.935
<i>Bằng VND</i>	2.357.263	3.098.165
<i>Bằng ngoại tệ</i>	4.669.422	3.532.770
<i>Vay các TCTD khác</i>	<i>60.267</i>	<i>77.847</i>
Vay các TCTD khác bằng VND	59.397	76.977
Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	870	870
Cộng	7.122.941	9.153.602

14. Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	2.640.357	1.356.564
<i>Bằng VND</i>	2.570.759	1.286.430
<i>Bằng ngoại tệ</i>	69.598	70.134
Tiền gửi có kỳ hạn	2.295.795	2.321.453
<i>Bằng VND</i>	2.295.795	2.321.453
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	33.406	52.536
<i>Bằng VND</i>	16.848	8.441
<i>Bằng ngoại tệ và vàng</i>	16.558	44.095
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	41.444.862	38.269.539
<i>Bằng VND</i>	41.226.338	37.958.581
<i>Bằng ngoại tệ và vàng</i>	218.524	310.958
Tiền ký quỹ	17.663	17.605
<i>Bằng VND</i>	16.827	15.330
<i>Bằng ngoại tệ</i>	836	2.275
Cộng	46.432.083	42.017.697

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	4.047.880	2.878.176
Công ty cổ phần	2.490.440	1.263.897
Công ty trách nhiệm hữu hạn	482.984	590.883
Doanh nghiệp tư nhân	2.793	2.723
Các đơn vị khác	1.071.663	1.020.673
Tiền gửi của cá nhân	42.384.203	39.139.521
Cộng	46.432.083	42.017.697

15. Các khoản lãi, phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi phải trả cho tiền gửi	1.082.630	987.824
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	36.675	30.566
Lãi phải trả cho tiền vay	21	63
Cộng	1.119.326	1.018.453

16. Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (xem thuyết minh số VIII.2)	209.344	12.508
Phải trả cho cán bộ, công nhân viên	36.045	-
Các khoản chờ thanh toán khác	244.378	227.599
Quỹ khen thưởng và phúc lợi ⁽ⁱ⁾	10.124	1.096
Chuyển tiền phải trả	2.695	2.498
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	15.836	15.172
Phải trả khác	19.246	15.190
Cộng	537.668	274.063

⁽ⁱ⁾ Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng và phúc lợi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.096	12.035
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	9.028	-
Chi quỹ	-	(39)
Số cuối kỳ	10.124	11.996

17. Vốn và quỹ của Tập đoàn**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ của TCTD	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.236.958	(34.200)	261.423	327.673	3.791.854
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	82.159	82.159
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong kỳ trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2019	-	-	8.353	(8.353)	-
Số dư cuối kỳ trước	3.236.958	(34.200)	269.776	401.479	3.874.013
Số dư đầu năm nay	3.236.958	(34.200)	271.573	443.841	3.918.172
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	606.883	606.883
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong kỳ này từ lợi nhuận sau thuế năm 2020	-	-	18.948	(18.948)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(9.028)	(9.028)
Số dư cuối kỳ này	3.236.958	(34.200)	290.521	1.022.748	4.516.027

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	323.695.796	323.695.796
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	323.695.796	323.695.796
- Cổ phiếu phổ thông	323.695.796	323.695.796
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	319.895.796	319.895.796
- Cổ phiếu phổ thông	319.895.796	319.895.796
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Các quỹ dự trữ của Tập đoàn

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	24.832	236.588	3	261.423
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong kỳ trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2019	2.784	5.569	-	8.353
Số dư cuối kỳ trước	27.616	242.157	3	269.776
Số dư đầu năm nay	28.215	243.355	3	271.573
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong kỳ này từ lợi nhuận sau thuế năm 2020	6.316	12.632	-	18.948
Số dư cuối kỳ này	34.531	255.987	3	290.521

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi	40.797	77.609
Thu lãi cho vay	3.098.034	1.877.885
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	68.717	21.248
Thu lãi từ bảo lãnh	1.978	1.162
Thu khác từ hoạt động tín dụng	46.980	7.056
Cộng	3.256.506	1.984.960

2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả lãi tiền gửi	1.442.509	1.301.134
Trả lãi tiền vay	1.626	13.210
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	28.108	47.872
Chi phí khác từ hoạt động tín dụng	557.402	72.640
Cộng	2.029.645	1.434.856

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	138.963	41.945
Thu từ dịch vụ thanh toán	20.481	15.295
Thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	4.281	6.717
Thu từ dịch vụ thẩm định tài sản	11.165	9.765
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	386	462
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	21.945	9.638
Thu từ dịch vụ tư vấn	77.852	-
Thu khác	2.853	68
Chi phí hoạt động dịch vụ	7.129	6.302
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	5.388	5.096
Chi về dịch vụ tư vấn	420	-
Chi về dịch vụ khác	1.321	1.206
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	131.834	35.643

4. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu về hoạt động kinh doanh ngoại hối	70.631	111.583
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	59.931	79.269
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	10.700	32.314
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	60.018	92.729
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	2.169	11.474
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	57.849	81.255
Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	10.613	18.854

5. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	47.219	37.980
Chi cho kinh doanh chứng khoán đầu tư	(1.223)	-
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	45.996	37.980

6. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động khác	44.986	66.523
Thu từ bán tài sản gán nợ	10.479	48.081
Thu hồi các khoản nợ đã xóa	32.289	12.350
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	2.218	6.092
Chi phí hoạt động khác	12.195	3.559
Chi phí cho hoạt động công tác xã hội	10.792	1.825
Chi phí khác	1.403	1.734
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	32.791	62.964

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức nhận được từ đầu tư dài hạn khác	1.709	891
Cộng	1.709	891

8. Chi phí hoạt động

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	8.301	8.880
Chi phí cho nhân viên	360.636	301.060
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	322.875	263.111
Các khoản chi đóng góp theo lương	25.354	23.049
Chi phí khác cho nhân viên	12.407	14.900
Chi về tài sản	106.702	104.289
Trong đó:		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.622	34.447
Chi phí thuê tài sản	35.350	30.727
Chi sửa chữa, bảo trì	29.573	29.802
Chi mua sắm công cụ lao động	8.061	8.938
Chi phí khác	96	375
Chi phí hoạt động quản lý và công vụ	76.547	88.100
Trong đó:		
Chi phí quảng cáo tiếp thị, khuyến mại và vật liệu văn phòng	11.680	20.926
Công tác phí	2.090	1.527
Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan, xăng dầu	15.905	16.514
Chi phí thông tin liên lạc, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ	17.191	15.193
Chi phí đào tạo	143	194
Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết	24.670	29.431
Chi phí khác	4.868	4.315
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	29.524	22.391
Cộng	581.710	524.720

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	606.883	82.159
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	-	(5.866)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	606.883	76.293
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	319.895.796	319.895.796
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.897	238

⁽ⁱ⁾ Tập đoàn chưa có kế hoạch phân phối quỹ khen thưởng và phúc lợi. Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được điều chỉnh lại sau khi có kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn thông qua.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 7,14% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc áp dụng này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước giảm từ 257 VND xuống còn 238 VND.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	30/6/2020
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	971.043	859.016
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.777.707	2.277.200
Tiền gửi thanh toán, tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn trong vòng 3 tháng	2.304.156	3.300.060
Tiền gửi các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	10.968.018	8.916.960
Cộng	16.020.924	15.353.236

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Tình hình thu nhập của nhân viên

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng nhân viên bình quân (người)	3.285	3.213
Thu nhập của nhân viên		
Tổng quỹ lương	288.012	243.276
Tiền thưởng	34.863	19.835
Tổng thu nhập	322.875	263.111
Tiền lương bình quân/tháng	15	13
Thu nhập bình quân/tháng	16	14

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT	2.413	13.871	(7.871)	8.413
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.007	198.819	(7.926)	197.900
Các loại thuế khác	3.088	31.472	(31.529)	3.031
Cộng	12.508	244.162	(47.326)	209.344

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ ngân hàng và thanh toán là 10%.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng TMCP Kiên Long	198.819	10.713
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long	-	9.844
Cộng	198.819	20.557

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các khoản thuế, lệ phí khác

Tập đoàn nộp theo các quy định hiện hành.

3. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bất động sản	60.958.529	57.826.233
Máy móc và thiết bị	500.591	513.557
Phương tiện vận tải	1.431.546	1.485.531
Cổ phiếu phát hành bởi TCTD khác	232.050	2.757.508
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức kinh tế khác	2.713.445	2.078.874
Sổ tiết kiệm	4.143.450	5.355.602
Tài sản khác	12.204.028	78.442
Cộng	82.183.639	70.095.747

4. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	10.301	50.362
Giá trị theo hợp đồng	15.602	58.567
Trừ: Tiền ký quỹ	(5.301)	(8.205)
Bảo lãnh khác	328.437	186.245
Giá trị theo hợp đồng	333.753	187.750
Trừ: Tiền ký quỹ	(5.316)	(1.505)

5. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thuần của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng) trong kỳ này là 14.292 triệu VND (cùng kỳ năm trước là 7.985 triệu VND).

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	40	2
Thù lao	5.990	3.301
<i>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	45	126
Tiền lương và thưởng	6.812	3.808
<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	309	26
Thù lao	1.490	876
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	506	99
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	810	547
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát</i>		
Chi phí lãi tiền gửi	67	13
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
<i>Thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Tiền gửi	1.802	5.841
Lãi phải trả	14	2
<i>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Tiền gửi	5.040	4.004
Lãi phải trả	4	47
<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>		
Tiền gửi	25	107
Lãi phải trả	169	392
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Tiền gửi	750.710	10.626
Lãi phải trả	522	63
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Tiền gửi	19.762	16.752
Lãi phải trả	743	724
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát</i>		
Tiền gửi	1.630	1.850
Lãi phải trả	72	66
Cộng nợ phải trả	995.411	292.757

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	Tổng dư nợ tiền gửi cho vay	Tổng tiền gửi và tiền vay	Phát hành giấy tờ có giá	Các cam kết tín dụng	Chứng khoán đầu tư
Số cuối kỳ	50.718.306	53.555.024	600.000	349.355	6.106.555
Trong nước	50.718.306	53.555.024	600.000	349.355	6.106.555
Nước ngoài	-	-	-	-	-
Số đầu năm	50.129.139	51.171.299	900.000	246.317	3.381.781
Trong nước	50.129.139	51.171.299	900.000	246.317	3.381.781
Nước ngoài	-	-	-	-	-

IX. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổng thể về việc hướng dẫn, giám sát nhận định về rủi ro và đảm bảo duy trì một nền văn hóa quản lý rủi ro và tuân thủ hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trong việc xây dựng các mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tập đoàn, bao gồm việc thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, các hạn mức rủi ro và các quy định về phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro được thực hiện bởi tất cả các bộ phận theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Phòng Quản lý rủi ro của Tập đoàn hỗ trợ thực hiện công tác hoạt động rủi ro hàng ngày tại Tập đoàn dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cùng với các phòng ban khác, Bộ phận quản lý rủi ro chịu trách nhiệm phát triển hệ thống quản lý rủi ro và các công cụ và phương pháp luận để xác định, đo lường, theo dõi, kiểm soát và đánh giá rủi ro.

Ngoài ra, Phòng kiểm toán nội bộ của Ngân hàng chịu trách nhiệm soát xét độc lập việc quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát của Tập đoàn.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Tập đoàn không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Tập đoàn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng.

Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Để quản lý rủi ro tín dụng Tập đoàn sử dụng các công cụ như: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; xếp hạng tín dụng; quy định về hạn mức tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.

Mức độ tập trung rủi ro của tài sản tài chính có rủi ro tín dụng

Các tài sản tài chính phi phái sinh phân loại theo khu vực địa lý được trình bày tại thuyết minh số X.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng mức tối đa có rủi ro tín dụng chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác.

Bảng dưới đây trình bày mức rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.777.707	3.500.995
Tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác	13.272.174	11.911.947
Cho vay khách hàng – gộp	35.668.425	34.716.197
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – gộp	6.106.555	3.381.781
Các khoản lãi, phí phải thu	635.936	1.066.409
Các tài sản tài chính khác – gộp	298.033	270.554
Cộng	57.758.830	54.847.883
Mức độ rủi ro tín dụng của các tài khoản ngoại bảng		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C – gộp	15.602	58.567
Bảo lãnh khác – gộp	333.753	187.750
Cộng	349.355	246.317

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ đối mặt với khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro thanh khoản là Ban Tổng Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng và các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Tập đoàn đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho Tập đoàn thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng hiểu rõ mọi hoạt động của Tập đoàn, hạn chế những tin đồn thất thiệt có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của Tập đoàn.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán 30 tháng 6 năm 2021 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn					Cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	971.043	-	-	-	-	971.043
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	1.777.707	-	-	-	-	1.777.707
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác ^(*)	-	-	13.252.174	20.000	-	-	-	13.272.174
Cho vay khách hàng ^(*)	510.137	206.533	2.185.604	2.997.795	14.652.391	7.253.310	7.862.655	35.668.425
Chứng khoán đầu tư ^(*)	-	-	-	50.000	50.000	220.000	5.786.555	6.106.555
Góp vốn, đầu tư dài hạn ^(*)	-	-	-	-	-	-	9.271	9.271
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	610.033	71	2.379	55.739	787.961	1.456.183
Các tài sản có khác ^(*)	-	-	635.936	782.437	-	-	-	1.418.373
Tổng tài sản	510.137	206.533	19.432.497	3.850.303	14.704.770	7.529.049	14.446.442	60.679.731
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	6.832.252	116.943	27.893	137.383	8.470	7.122.941
Tiền gửi của khách hàng	-	-	9.494.932	10.236.863	24.427.238	2.272.299	751	46.432.083
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	300.000	-	-	300.000	-	600.000
Các khoản nợ khác	-	-	1.656.994	-	-	-	-	1.656.994
Tổng nợ phải trả	-	-	18.284.178	10.353.806	24.455.131	2.709.682	9.221	55.812.018
Chênh lệch thanh khoản ròng	510.137	206.533	1.148.319	(6.503.503)	(9.750.361)	4.819.367	14.437.221	4.867.713

^(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán 31 tháng 12 năm 2020 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn					Cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	755.932	-	-	-	-	755.932
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	3.500.995	-	-	-	-	3.500.995
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	10.026.937	1.885.010	-	-	-	11.911.947
Cho vay khách hàng (*)	1.882.803	138.883	3.094.329	2.955.062	13.168.168	6.082.329	7.394.623	34.716.197
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	109.997	-	3.271.784	3.381.781
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	14.521	14.521
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	608.173	42	864	65.705	803.001	1.477.785
Các tài sản có khác (*)	-	-	1.066.409	753.698	-	-	-	1.820.107
Tổng tài sản	1.882.803	138.883	19.052.775	5.593.812	13.279.029	6.148.034	11.483.929	57.579.265
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	7.208.245	1.875.392	11.568	49.925	8.472	9.153.602
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.741.786	9.351.780	21.327.493	2.595.775	863	42.017.697
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	600.000	300.000	-	900.000
Các khoản nợ khác	-	-	1.292.516	-	-	-	-	1.292.516
Tổng nợ phải trả	-	-	17.242.547	11.227.172	21.939.061	2.945.700	9.335	53.363.815
Chênh lệch thanh khoản ròng	1.882.803	138.883	1.810.228	(5.633.360)	(8.660.032)	3.202.334	11.474.594	4.215.450

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. **Rủi ro thị trường**

Tập đoàn chịu các rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất và tiền tệ chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tín dụng, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Tập đoàn đo lường bằng cách phân tích độ nhạy cảm của lãi suất, tức là phân loại trái phiếu và các chứng từ khác về mức độ rủi ro thị trường phân ra theo loại tiền, ngày đến hạn...

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Tập đoàn đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở hệ thống báo cáo ALCO nhằm phân tích mức chênh lệch tài sản nợ - tài sản có nhạy cảm với lãi suất trong từng khung kỳ hạn, tính toán Duration Gap của tài sản nợ - tài sản có, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, cụ thể:

- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này có thể cho phép Tập đoàn có thể linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	971.043	-	-	-	-	-	-	971.043
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	1.777.707	-	-	-	-	-	1.777.707
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	13.252.174	20.000	-	-	-	-	13.272.174
Cho vay khách hàng (*)	716.670	-	2.185.604	2.997.795	5.312.333	9.340.058	7.253.310	7.862.655	35.668.425
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	50.000	50.000	-	220.000	5.786.555	6.106.555
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	9.271	-	-	-	-	-	-	9.271
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.456.183	-	-	-	-	-	-	1.456.183
Các tài sản có khác (*)	-	1.418.373	-	-	-	-	-	-	1.418.373
Tổng tài sản	716.670	3.854.870	17.215.485	3.067.795	5.362.333	9.340.058	7.473.310	13.649.210	60.679.731
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	6.832.252	116.943	-	27.893	137.383	8.470	7.122.941
Tiền gửi của khách hàng	-	-	9.494.932	10.236.863	10.223.357	14.203.881	2.272.299	751	46.432.083
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	300.000	-	-	-	300.000	-	600.000
Các khoản nợ khác	-	1.656.994	-	-	-	-	-	-	1.656.994
Tổng nợ phải trả	-	1.656.994	16.627.184	10.353.806	10.223.357	14.231.774	2.709.682	9.221	55.812.018
Mức chênh lệch cảm với lãi suất									
- nội bảng	716.670	2.197.876	588.301	(7.286.011)	(4.861.024)	(4.891.716)	4.763.628	13.639.989	4.867.713

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	755.932	-	-	-	-	-	-	755.932
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	3.500.995	-	-	-	-	-	3.500.995
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	10.026.937	1.885.010	-	-	-	-	11.911.947
Cho vay khách hàng (*)	2.021.686	-	3.094.329	2.955.062	4.357.655	8.810.513	6.082.329	7.394.623	34.716.197
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	109.997	-	3.271.784	3.381.781
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	14.521	-	-	-	-	-	-	14.521
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.477.785	-	-	-	-	-	-	1.477.785
Các tài sản có khác (*)	-	1.820.107	-	-	-	-	-	-	1.820.107
Tổng tài sản	2.021.686	4.068.345	16.622.261	4.840.072	4.357.655	8.920.510	6.082.329	10.666.407	57.579.265
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	7.208.245	1.875.392	9.697	1.871	49.925	8.472	9.153.602
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.741.786	9.351.780	9.539.330	11.788.163	2.595.775	863	42.017.697
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	300.000	300.000	300.000	-	900.000
Các khoản nợ khác	-	1.292.516	-	-	-	-	-	-	1.292.516
Tổng nợ phải trả	-	1.292.516	15.950.031	11.227.172	9.849.027	12.090.034	2.945.700	9.335	53.363.815
Mức chênh lệch cảm với lãi suất - nội bảng	2.021.686	2.775.829	672.230	(6.387.100)	(5.491.372)	(3.169.524)	3.136.629	10.657.072	4.215.450

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Tập đoàn được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các ngoại tệ khác.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro tiền tệ là đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Tập đoàn sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra Tập đoàn còn sử dụng các công cụ khác như: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Tập đoàn đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thiết lập và quản lý hạn mức trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	96.686	2.492	13.134	112.312
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	32.447	-	-	32.447
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	4.606.483	6.216	3.355	4.616.054
Cho vay khách hàng (*)	333.251	-	-	333.251
Tổng tài sản	5.068.867	8.708	16.489	5.094.064
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	4.670.292	-	-	4.975.808
Tiền gửi của khách hàng	292.258	1.322	11.936	4.975.808
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	4.962.550	1.322	11.936	4.975.808
Trạng thái tiền tệ nội bảng	106.317	7.386	4.553	118.256
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	106.317	7.386	4.553	118.256

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	104.151	1.218	10.129	115.498
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	35.727	-	-	35.727
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	3.526.166	1.867	6.688	3.534.721
Cho vay khách hàng (*)	263.215	-	-	263.215
Tổng tài sản	3.929.259	3.085	16.817	3.949.161
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.533.640	-	-	3.533.640
Tiền gửi của khách hàng	419.471	452	7.539	427.462
Các khoản nợ khác	226	-	-	226
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	3.953.337	452	7.539	3.961.328
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(24.078)	2.633	9.278	(12.167)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(24.078)	2.633	9.278	(12.167)

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đang thế chấp các giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với giá trị 12.000 triệu VND (số đầu năm là 12.000 triệu VND) (xem thuyết minh số V.6).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Chi tiết tài sản nhận thế chấp được trình bày tại thuyết minh số VIII.3. Tập đoàn chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	971.043	-	755.932	-
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.777.707	-	3.500.995	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	13.272.174	-	11.911.947	-
Cho vay khách hàng	35.668.425	(347.561)	34.716.197	(293.153)
Chứng khoán đầu tư	6.106.555	-	3.381.781	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	9.271	-	14.521	-
Các khoản lãi, phí phải thu	635.936	-	1.066.409	-
Các tài sản có khác	298.033	(4.125)	270.554	(4.125)
Cộng	58.739.144	(351.686)	55.618.336	(297.278)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi và vay các TCTD khác	7.122.941	9.153.602
Tiền gửi của khách hàng	46.432.083	42.017.697
Phát hành giấy tờ có giá	600.000	900.000
Các khoản lãi, phí phải trả	1.119.326	1.018.453
Các khoản nợ khác	282.155	260.459
Cộng	55.556.505	53.350.211

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa xác định được vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán của các TCTD Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

X. BÁO CÁO BỘ PHẬN

1. Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
I. Thu nhập	283.875	202.610	399.307	333.774	3.321.601	2.167.412	(444.769)	(459.914)	3.560.014	2.243.882
1. Thu nhập lãi	266.698	200.820	380.259	327.155	3.054.318	1.916.899	(444.769)	(459.914)	3.256.506	1.984.960
Thu nhập lãi khách hàng bên ngoài	143.482	80.587	304.693	319.791	2.808.331	1.584.582	-	-	3.256.506	1.984.960
Thu nhập lãi nội bộ	123.216	120.233	75.566	7.364	245.987	332.317	(444.769)	(459.914)	-	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	15.620	1.198	18.371	4.633	104.972	36.114	-	-	138.963	41.945
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	1.557	592	677	1.986	162.311	214.399	-	-	164.545	216.977
II. Chi phí	229.394	182.714	340.918	280.632	2.566.377	2.058.734	(444.769)	(459.914)	2.691.920	2.062.166
1. Chi phí lãi	195.107	156.040	261.956	207.939	2.017.351	1.530.791	(444.769)	(459.914)	2.029.645	1.434.856
Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài	188.983	149.624	247.485	193.521	1.593.177	1.091.711	-	-	2.029.645	1.434.856
Chi phí lãi từ nội bộ	6.124	6.416	14.471	14.418	424.174	439.080	(444.769)	(459.914)	-	-
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	508	503	4.067	3.974	29.047	29.970	-	-	33.622	34.447
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	33.779	26.171	74.895	68.719	519.979	497.973	-	-	628.653	592.863
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	54.481	19.896	58.389	53.142	755.224	108.678	-	-	868.094	181.716
Chi phí dự phòng rủi ro	16.448	445	6.537	989	39.407	77.566	-	-	62.392	79.000
Kết quả kinh doanh bộ phận	38.033	19.451	51.852	52.153	715.817	31.112	-	-	805.702	102.716

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tài sản	3.460.830	2.173.180	5.843.734	5.884.382	51.023.481	49.224.425	-	-	60.328.045	57.281.987
1. Tiền mặt	124.846	92.223	164.538	128.847	681.659	534.862	-	-	971.043	755.932
2. Tài sản cố định	3.963	3.598	254.352	256.846	1.197.868	1.217.341	-	-	1.456.183	1.477.785
3. Tài sản khác	3.332.021	2.077.359	5.424.844	5.498.689	49.143.954	47.472.222	-	-	57.900.819	55.048.270
II. Nợ phải trả	6.617.546	5.051.102	7.418.680	6.585.282	41.775.792	41.727.431	-	-	55.812.018	53.363.815
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	6.616.424	5.050.135	7.416.628	6.583.580	41.241.298	41.456.037	-	-	55.274.350	53.089.752
2. Nợ phải trả khác	1.122	967	2.052	1.702	534.494	271.394	-	-	537.668	274.063

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận thứ yếu

Tập đoàn có 2 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: ngân hàng và quản lý nợ và khai thác tài sản.

Kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ	Cộng
Kỳ này				
Thu nhập	3.544.550	27.897	(12.433)	3.560.014
Chi phí	2.703.407	29.716	(12.433)	2.720.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	33.436	186	-	33.622
Lợi nhuận trước thuế	807.707	(2.005)	-	805.702
Kỳ trước				
Thu nhập	2.177.924	76.438	(10.480)	2.243.882
Chi phí	2.090.671	26.528	(10.480)	2.106.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	33.754	693	-	34.447
Lợi nhuận trước thuế	53.499	49.217	-	102.716

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản bộ phận	60.516.624	528.389	(716.968)	60.328.045
Nợ phải trả bộ phận	56.021.583	7.403	(216.968)	55.812.018
Số đầu năm				
Tài sản bộ phận	57.472.200	564.120	(754.333)	57.281.987
Nợ phải trả bộ phận	53.611.832	6.316	(254.333)	53.363.815

XI. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	63.986	64.409
Trong vòng 2 đến 5 năm	196.456	202.062
Trên 5 năm	74.215	85.808
Cộng	334.657	352.279

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

XII. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

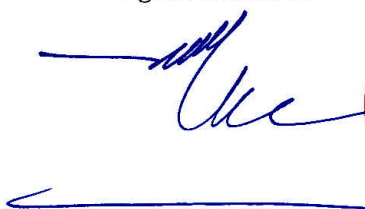
Rạch Giá, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Người lập



Võ Huỳnh Phương Trinh
Người lập

Người kiểm soát



Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

